

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy

2. Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn năm 2013 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được khoảng 3 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh T thường xuyên đuổi chị đi. Chị và con đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Anh chị ly thân nhau từ đó, từ ngày ly thân, anh Tuyên, gia đình anh T cũng không ai tìm hoặc động viên vợ chồng đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Vũ Đào Hải A, sinh ngày 12/7/2014. Hiện tại cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị làm công nhân tại công ty may mặc, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên chị sẽ đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, chị Đồng Thị H là chị dâu của anh T trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị L có xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào, chị không nắm được. Chị được biết, nguyên nhân là do chị L chê anh T không tâm lý, không quan tâm gia đình vợ con, anh chị cũng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm. Chị L đã bỏ về quê từ tháng 02/2020. Hiện anh T đi làm phụ xây ở địa phương, mức thu nhập của anh T khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh T đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đào Hải A, sinh ngày 12/7/2014 đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Vũ Văn T kết hôn vào năm 2013, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh T cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị L. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh T bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị L xin được ly hôn anh Vũ Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị L và anh Vũ Văn T có một con chung là Vũ Đào Hải A, sinh ngày 12/7/2014. Hiện tại cháu Hải A do chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của cháu Hải A, Tòa án giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải A đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đào Thị L không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đào Hải A, sinh ngày 12/7/2014 cho chị Đào Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Vũ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001414 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Đào Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn